

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 10/2018/HS-ST
Ngày 02-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thơm

Ông Huỳnh Thanh Vũ

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương-
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tùng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2017/TLHS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Danh V sinh năm 1990; Nơi sinh: thành phố Cần Thơ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã T, huyện Đ, thành phố Cần Thơ; Nơi ở hiện nay: Xã T, huyện Đ, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: làm mướn; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh S và bà Thạch Thị Đ; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 31-5-2013 bị Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố cần Thơ xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo tại ngoại “có mặt”.

- Người bị hại: Anh Đặng Hải Đ, sinh ngày 14-6-2000 “vắng mặt”

Người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Thanh V sinh năm 1958 (là bố đẻ của bị hại). Địa chỉ: Xã P, huyện L, thành phố Cần Thơ “vắng mặt”.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1980, địa chỉ: Xã Đ, huyện Đ, thành phố Cần Thơ “có mặt”

- Người làm chứng:

1. Anh Đoàn Thiết L, sinh năm 1993, địa chỉ: Xã X, huyện Đ, thành phố Cần Thơ “vắng mặt”

2. Anh Phạm Dư C, sinh năm 2002, địa chỉ: Xã C, huyện Đ, thành phố Cần Thơ “có mặt”
3. Anh Nguyễn Vĩ K sinh năm 2000, địa chỉ: Xã C, huyện Đ, thành phố Cần Thơ “vắng mặt”
4. Anh Nguyễn Văn T sinh năm 2000, địa chỉ: xã B, huyện L, thành phố cần Thơ “vắng mặt”
5. Anh Võ Hoài H sinh năm 2004, địa chỉ: xã B, huyện L, thành phố cần Thơ “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ, ngày 20-6-2017 tại thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Cần Thơ, bị cáo gặp anh Đặng Hải Đ và hỏi mượn xe mô tô hiệu Sirius biển số 65H1-107.92 của anh Đ để đi rước bạn đến cùng uống cà phê nên anh Đ đồng ý cho mượn. Trên đường đi, bị cáo mở cốp xe để đồ xăng thì phát hiện 01 giấy đăng ký xe và 01 căn cước công dân nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh Đ đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo điều khiển xe vào hướng xã Đ, huyện Đ gặp anh Đoàn Thiết L và nhờ anh L tìm chỗ cầm xe dùm, anh L đồng ý. Bị cáo và anh L đến tiệm cầm đồ của chị Phạm Thị L tại xã Đ, huyện Đ, thành phố Cần Thơ cầm xe được 6.000.000đồng, số tiền này bị cáo dùng vào việc đánh bạc và chi xài cá nhân. Khoảng 09 giờ ngày 21-6-2017 bị cáo gọi điện thoại nhờ anh L đến gặp chị L để xin cầm thêm 2.000.000đồng, chị L đồng ý, số tiền này bị cáo sử dụng đánh bạc thua hết. Sau một lúc chờ đợi không thấy bị cáo đến trả xe anh Đ đi tìm bị cáo nhưng không gặp nên trình báo sự việc đến cơ quan có thẩm quyền. Qua xác minh công an thị trấn Đ đã thu hồi 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 65H1-107.92, 01 căn cước công dân của Đặng Hải Đ, 01 giấy đăng ký xe tên Đặng Thanh V. Ngày 17-10-2017 bị cáo bị khởi tố và truy nã. Ngày 02-11-2017 bị cáo ra đầu thú tại Công an thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15/KL.HĐ-ĐG ngày 24-7-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 65H1-107.92 trị giá 9.500.000đồng.

Quá trình điều tra xác định xe mô tô hiệu Sirius biển số 65H1-107.92 và 01 giấy đăng ký xe là của ông Đặng Thanh V nên đã trả lại cho ông V, ông V không yêu cầu bồi thường. Đối với 01 căn cước công dân tên Đặng Hải Đ đã trả lại cho anh Đ.

Tại bản cáo trạng số 03/CT - VKS ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ truy tố bị cáo Danh V về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, sau khi mượn tài sản của người khác rồi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt dẫn đến không còn khả năng trả lại tài sản rồi bỏ trốn, hành vi đó xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, đủ yếu tố cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Do đó, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 140; Điều 33; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Danh V từ 09 tháng tù đến 18 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị áp dụng Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo bồi thường cho chị Phạm Thị L số tiền là 8.000.000đồng.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường cho chị số tiền 8.000.000đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo khẩn xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Qua đối chiếu quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nhận thấy các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo Danh V thống nhất với nội dung cáo trạng truy tố bị cáo và khai nhận: Khoảng 20 giờ, ngày 20-6-2017 bị cáo gặp Đặng Hải Đ và hỏi mượn xe của anh Đ để đi rước bạn đến cùng uống cà phê nên anh Đ đồng ý. Trên đường đi, bị cáo mở cốp xe để đồ xăng thì phát hiện 01 giấy đăng ký xe và 01 căn cước công dân nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh Đ đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo điều khiển xe vào hướng xã Đ, huyện Đ để gặp Đoàn Thiết L và nói với anh L là xe của bị cáo nhờ anh L tìm chỗ cầm xe dùm để lấy tiền tiêu xài nên anh L đồng ý. Sau đó, bị cáo và anh L đến tiệm cầm đồ của chị Phạm Thị L cầm với số tiền 6.000.000đồng, sau khi tiêu xài hết số tiền trên đến khoảng 09 giờ ngày 21-6-2017 bị cáo gọi điện thoại nhờ anh L đến gặp chị L để xin cầm thêm 2.000.000đồng, chị L đồng ý. Bị cáo lấy số tiền này tiêu xài hết rồi bỏ trốn. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và chứng cứ thu thập có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa.

Xét thấy, bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo có hành vi mượn tài sản của bị hại, sau khi lấy được tài sản bị cáo dùng thủ đoạn gian dối đem tài sản của bị hại đi cầm với số tiền 8.000.000đồng sử dụng vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản rồi bỏ trốn. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đủ yếu tố cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị ở địa phương. Bị cáo đã từng bị kết án về hành vi chiếm đoạt nhưng không lấy đó mà sửa đổi bản thân. Do đó cần phải có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình thuộc diện hộ cận nghèo, trình độ nhận thức pháp luật kém. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.000.000đồng, bị cáo đồng ý nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn chưa bồi thường được. Do đó, căn cứ vào Điều 28 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo bồi thường cho chị L số tiền 8.000.000đồng.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải nộp 400.000đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ bồi thường theo quy định tại theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Danh V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt: Bị cáo Danh V 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 28 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo bồi thường cho chị Phạm Thị L số tiền 8.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền làm kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Đ;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Đ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS sự huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Viễn